

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN P
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 897/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 9 - 2023.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thức;

2. Bà Nguyễn Thị T Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh T Duy – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Trần Mai Hào.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 740/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 819/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 960/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: x/yD đường V, phường H, quận P, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng T (vắng mặt).

Địa chỉ: x/yD đường V, phường H, quận P, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 15/6/2022, bản tự khai ngày 21/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hồng T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận P, Thành phố H theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 87/KH/2004 Quyền số 01/2004 ngày 22/9/2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng cuối năm 2016 phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp nhau về tính tình, ông T thường xuyên cãi vã từ những chuyện nhỏ, ghen tuông vô cớ, nói những lời cay đắng xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của bà, ông T không lo làm ăn, không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha trong gia đình; cả hai đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2021 đến nay, trong thời gian ly thân không ai thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: vợ chồng sinh được 03 con chung tên: Nguyễn Hồng T, sinh ngày 17/10/2001 (đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu xem xét); Nguyễn Hồng T, sinh ngày 29/9/2005 (hiện do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng); Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 08/9/2016 (hiện do ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng). Nếu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T thì bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hồng T, giao ông T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hồng T; Không bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân quận P đã tiến hành hòa giải nhưng ông Nguyễn Hồng T vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn : Ông Nguyễn Hồng T vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà H, về quan hệ hôn nhân bà H được ly hôn ông T. Bà H và ông T sinh được 03 con chung tên: Nguyễn Hồng T, sinh ngày 17/10/2001 (đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu xem xét); Nguyễn Hồng T, sinh ngày 29/9/2005 và Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 08/9/2016. Hiện bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hồng T, ông

T đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hồng T. Quá trình giải quyết vụ án, trẻ Hồng T nguyện vọng xin được sống với bà H, trẻ Hồng T nguyện vọng xin được sống với ông T. Xét thấy để đảm bảo quyền lợi của các trẻ và theo nguyện vọng của các trẻ đề nghị Tòa án giải quyết giao trẻ Hồng T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Hồng T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con đối với trẻ Hồng T và bà H yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con đối với trẻ Hồng T, nên đề nghị hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà H và ông T. Về tài sản chung, nợ chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 87/KH/2004, Quyền số 01/2004, ngày 22/9/2004 của Ủy ban nhân dân dân phường H, quận P, Thành phố H thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Hồng T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông T hiện đang cư ngụ tại quận P, Thành phố H trước khi thụ lý, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quận P, thành phố H theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:

[2.1] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn đã được Tòa án tiến hành một số biện pháp tố tụng như niêm yết công khai các văn bản tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vẫn cố tình trốn tránh. Do đó, Tòa án nhân dân quận P tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 177; khoản 2 Điều 220; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 3 Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét việc bà Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hồng T:

Căn cứ lời khai của bà H xét thấy tình trạng mâu thuẫn hôn nhân giữa bà H và ông T là có thật. Cuộc sống vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T không quan tâm chăm sóc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T cố tình vắng mặt. Điều đó thể hiện ông T không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà H và ông T sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai. Mặt khác, bà H cho rằng hiện nay không còn tình cảm với ông T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà H và ông T đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Bà H yêu cầu ly hôn ông T là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung:

Bà H và ông T sinh được 03 con chung tên: Nguyễn Hồng T, sinh ngày 17/10/2001 (đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu xem xét); Nguyễn Hồng T, sinh ngày 29/9/2005 và Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 08/9/2016. Hiện bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hồng T, ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hồng T. Quá trình giải quyết vụ án, trẻ Hồng T nguyện vọng xin được sống với bà H, trẻ Hồng T nguyện vọng xin được sống với ông T. Xét thấy để đảm bảo quyền lợi của trẻ và theo nguyện vọng của trẻ, nên Hội đồng xét xử nghĩ, giao trẻ Hồng T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và giao trẻ Hồng T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

- Xét bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con đối với trẻ Hồng T và bà H yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con đối với trẻ Hồng T. Do đó, hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà H và ông T.

[3.4] Về quan hệ tài sản và nợ chung:

Xét bà H khai nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0036866 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Hồng T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Hồng T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87/KH/2004 Quyền số 01/2004 ngày 22/9/2004 do Ủy ban nhân dân phường H, quận P, Thành phố H cấp chấm dứt hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: vợ chồng sinh được 03 con chung tên: Nguyễn Hồng T, sinh ngày 17/10/2001 (đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết); Nguyễn Hồng T, sinh ngày 29/9/2005 và Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 08/9/2016. Giao trẻ Nguyễn Hồng T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và giao trẻ Nguyễn Hồng T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà H và ông T.

+ Trong trường hợp bà H và ông T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, một trong hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Bà H và ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà H và ông T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở một trong hai bên trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Trường hợp bà H và ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do bà H khai nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/ Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0036866 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P).

3/ Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. H;
- VKSND quận P;
- UBND phường H, quận P;
- Chi cục THADS quận P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Thành